

SUY NGHĨ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THĂNG LONG - HÀ NỘI HÔM QUA, HÔM NAY VÀ NGÀY MAI

NGUYỄN THỪA HỠ*

Thăng Long-Hà Nội là kinh đô-thủ đô của Việt Nam từng có bề dày ngàn năm lịch sử. Đó là một vi mẫu được cô đặc lại của toàn bộ Việt Nam. Nghiên cứu Thăng Long - Hà Nội cũng chính là nghiên cứu Việt Nam.

Tìm hiểu Hà Nội không đơn thuần là một vấn đề khoa học, của lý trí, mà còn là vấn đề của trái tim, của tình yêu. Hiểu biết chính là điều kiện để gắn bó, yêu thương, cống hiến và hy sinh. Một khi đã yêu, người ta thường tự hào với vẻ đẹp của đối tượng, nhưng cũng sẵn sàng chấp nhận những nét chưa đẹp, thậm chí những tật xấu của đối tượng, với hy vọng sẽ cải tạo được nó để tiếp cận tới một hình ảnh hoàn thiện hơn.

1. Nhận diện cấu trúc kinh tế - xã hội Thăng Long - Hà Nội

Nguyên lý cơ bản của chính trị kinh tế học dạy chúng ta rằng kinh tế - xã hội là cơ sở hạ tầng trên đó xây dựng lên một kiến trúc thượng tầng thiết chế chính trị - hệ tư tưởng. Nhưng sẽ là sai lầm nếu chúng ta lạm dụng luận cứ đó khi áp dụng vào trường hợp của Thăng Long - Hà Nội, của Việt Nam hay của các nước phương Đông

nói chung. Ở đây, thiết chế chính trị - hệ tư tưởng, trực tiếp thông qua đường lối chính sách của nhà cầm quyền, đã có một tác dụng hầu như quyết định đối với tình hình kinh tế-xã hội, tùy lúc tạo nên một xung lực hay một trở lực đối với tiến bộ xã hội. Sự tồn tại bền vững lâu dài mang tính bảo thủ của các thiết chế chuyên chế phương Đông giải thích vì sao cấu trúc kinh tế - xã hội các quốc gia này - trong đó có Thăng Long Hà Nội của Việt Nam truyền thống - đã chậm thay đổi, ít có những chuyển biến về chất. Trải qua những thăng trầm của ngàn năm lịch sử, các nước này vẫn bảo lưu một khung kết cấu kinh tế - xã hội cơ bản với những dáng nét tương đồng như một hằng số. Đó chính là một thứ gen cơ bản di truyền văn hóa, hay một "meme", tương ứng với "gene", như thuật ngữ được dùng của Richard Dawkins (1) và các nhà nhân học đương đại.

Dựa trên sự phân tích những dữ liệu lịch sử, xét một cách khái quát và bỏ qua những chi tiết, có thể nói rằng Thăng Long - Hà Nội đã tồn tại với một cấu trúc kinh tế - xã hội phức hợp đa nguyên. Đó là một không gian xã hội - văn hóa trong đó đã chung sống hòa bình nhiều yếu tố khác

* PGS. TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

biệt, hòa đồng hoặc tương phản, tương tác với nhau theo các chiều thuận nghịch, pha trộn hỗn dung trong một hệ thống tương đối ổn định và bền vững.

Tính phức hợp đa nguyên trước hết biểu hiện ở mặt không gian sinh tồn. Đó là một thể kết hợp khó tách biệt giữa thành thị và nông thôn. Trong lịch sử, đô thị Thăng Long-Hà Nội đã nổi lên như một hòn đảo giữa biển cả nông thôn. Bản thân khu phố phường đích thực của đô thị cũng tồn tại như một hạt nhân nhỏ bé bao quanh và có mối liên hệ thường trực với một cộng đồng làng xã nông nghiệp và thủ công nghiệp, vừa tương xâm vừa tương hợp. Thời xưa, đó là địa bàn của phủ Phụng Thiên rồi phủ Hoài Đức, chủ yếu là hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận thuộc tỉnh Hà Nội mà diện tích lớn hơn gấp nhiều lần. Ngày nay, đô thị trung tâm Hà Nội, với hàm lượng kinh tế-xã hội đậm đặc, cũng nằm lọt giữa một vùng ngoại thành rộng lớn nông thôn và bán nông thôn cùng các đô thị vệ tinh.

Thăng Long-Hà Nội cũng rất đa dạng về các loại hình sản xuất và các vật phẩm hàng hóa. Nó có đủ mọi thành phần kinh tế, không hoàn toàn tương hợp nhưng đã hỗ trợ cho nhau trong một tổng thể phức hợp. So với các thành thị chuyên nghiệp trung cận đại châu Âu, Thăng Long-Hà Nội có nhiều mặt hàng hơn, nhưng lại ít có loại sản phẩm thực sự vượt trội. Hình như đó vừa là một điểm mạnh, vừa đồng thời là một điểm yếu của đô thị. Thời Pháp thuộc, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa du nhập vẫn tồn tại bên nền kinh tế thủ công thương nghiệp phong kiến truyền thống. Cho đến ngày nay, kinh tế Hà Nội vẫn là một phức hợp kinh tế đa ngành, đa loại hình và đa thành phần: nhà nước, tập thể, tư nhân và có yếu tố nước ngoài. Các văn bản chính thức xác định rằng kinh tế nhà nước giữ

vai trò chủ đạo, trong khi số liệu thống kê năm 2006 cho biết tỷ lệ của thành phần kinh tế nhà nước là 46,2% trong tổng giá trị sản phẩm của thành phố (2).

Tính phức hợp đa nguyên cũng bộc lộ trong cơ cấu cư dân xã hội đô thị. Những tầng lớp, giai cấp khác nhau, thậm chí đối kháng nhau, cùng chung sống trong một không gian xã hội. Có thể nói rằng cộng đồng cư dân đô thị Hà Nội là toàn thể "tứ dân sĩ-nông-công-thương", hòa trộn cùng nhau, tuy tỉ lệ và mật độ có thay đổi tùy từng không gian, thời gian cụ thể. Như chúng ta biết, ở phương Tây thời Trung đại, thường có sự phân biệt khá rạch ròi về khu vực địa bàn cư trú dành cho từng tầng lớp xã hội. Quý tộc lãnh chúa ở trong các thành堡, lâu đài. Thành thị là nơi tụ cư của tầng lớp thợ thủ công và thương nhân, không có nông dân. Công xã nông thôn "mir" ở Nga là không gian sinh tồn riêng biệt của các nông nô, nông dân mùjik, không có chúa đất. Trong khi đó, trong các thôn phường ở Thăng Long Hà-Nội truyền thống, có cả các giới quan liêu, nho sĩ, thợ thủ công, thương nhân, chức sắc và bạch dinh, địa chủ và nông dân cùng chung sống. Còn phải kể đến sự pha trộn về chủng tộc trong khu nhân lõi "36 phố phường", với vai trò kinh tế chủ đạo, vừa tích cực, vừa tiêu cực của "nhân tố Hoa kiều", tạo nên nét nổi trội của đô thị Thăng Long-Hà Nội truyền thống.

Trong thời Cận Hiện đại, tình trạng pha tạp cư dân của Hà Nội không hề giảm sút. Cơ cấu cư dân của Hà Nội thời Pháp thuộc đã bao gồm 3 thành tố chủ yếu: Việt, Hoa, Âu. Sự hòa trộn cư dân của Hà Nội hiện đại ngày nay đã diễn ra theo một dạng thức mới. Ở nội thành, số dân ngoại tỉnh nhập cư ngày càng đông, trong khi ở các huyện ngoại thành chủ yếu vẫn là cư dân nông

thôn, với tỉ lệ trong toàn thành phố vượt số dân đô thị (59,2% năm 2009). Cơ cấu hành chính các phường thôn trong đô thị cũng là một mô hình kép, hỗn hợp giữa các thiết chế phi nhà nước, phi quan phương (các hội đồng, hội đoàn) với những thiết chế nhà nước, quan phương (chính quyền làng xã, lý trưởng, trưởng tuần...).

Văn hóa, tâm lý Thăng Long - Hà Nội mang đậm tính đa nguyên phức hợp, đan xen các tố chất văn hóa nông thôn/đô thị, bình dân/quan liêu nho sĩ, phi chính thống/chính thống, cùng sự hòa hợp tinh tồn các tín ngưỡng lớn giáo (tín ngưỡng dân gian, Đạo, Phật, Nho). Sự tương xâm và dung hợp đó đã diễn ra trên mọi bình diện, trong từng cộng đồng, gia đình đến từng cá nhân con người. Các nhà nghiên cứu đương đại gọi đó là sự hòa quyện của hai "truyền thống nhỏ" và "truyền thống lớn" trong những xã hội trọng nông. Tuy có sự cạnh tranh và suy thịnh tùy từng thời kỳ, nhưng nhìn chung, một thế cân bằng đối trọng văn hóa đã được xác lập. Trên thực tế, ở Thăng Long-Hà Nội, chưa bao giờ có một văn hóa tôn giáo nào chiếm giữ được vị thế độc tôn.

Nhận diện để thấy rõ cấu trúc kinh tế-xã hội phức hợp đa nguyên của Thăng Long-Hà Nội sẽ giúp chúng ta có một tư duy phức, một tầm nhìn bao quát và đa chiều khi phân tích và xử lý những vấn đề đặt ra cho sự phát triển đô thị, hoạch định những chính sách phù hợp với quần chúng đa số, cũng như cho từng nhóm xã hội dù là thiểu số trong cộng đồng cư dân, tầng lớp tinh hoa cũng như những nhóm người bị thiệt thòi. Nó cũng giúp nhà cầm quyền có một ứng xử uyển chuyển khi đi ra đường lối sao cho thuận lòng người, không vi lợi ích của một số ít mà áp đặt cho số đông, hoặc chỉ vì số đông mà bỏ quên hoặc xâm phạm đến những quyền lợi chính đáng của

số ít. Nhận thức phức hợp đa nguyên cũng tránh được một khuôn mẫu tư duy xơ cứng đóng băng, giáo điều thủ cựu. Bởi vì trong cuộc sống, không có gì là bất biến. Khi tình hình thực tế đã thay đổi đến mức tạo ra những mâu thuẫn báo động, thì tư duy con người, trước hết là những nhà lãnh đạo, cũng cần phải điều chỉnh kịp thời, "lấy lại kim đồng hồ" sao cho phù hợp với thực tiễn mới. Có lẽ mọi chúng ta đều biết, nhưng không phải lúc nào cũng hiểu thấu đáo và vận dụng hiệu quả câu nói của Goethe: "Lý thuyết chỉ là màu xám, còn cây đời thì mãi mãi xanh tươi".

2. Kinh tế-xã hội Thăng Long-Hà Nội trong diễn trình lịch sử

Trong cuộc đời thiên niên kỷ của mình, diện mạo và kinh tế-xã hội của Thăng Long-Hà Nội đã chứng kiến những biến cố đổi thay với một tốc độ không đều, lúc nhanh khi chậm. Thăng Long-Hà Nội truyền thống đã trải qua những thời kỳ vàng son, với một tòa hoàng thành tráng lệ và một khu phố phường đông đúc, tấp nập bán mua. Nhưng binh lửa chiến tranh và động loạn xã hội đã tàn phá hầu như toàn bộ khu hoàng cung, vùi sâu trong lòng đất, chỉ để lại những dấu tích quá khứ trên mặt đất qua một khu phố cổ khá khiêm tốn và cũng không còn bảo tồn được nguyên dạng.

Nhìn chung, trong thời kỳ tiền thực dân, Thăng Long-Hà Nội truyền thống là sự kết hợp giữa hai thực thể "thành" và "thị". Bên cạnh khu thành chính trị-quan liêu, là một khu thị kinh tế-dân gian. Kết cấu kinh tế của nó chủ yếu bao gồm một mạng lưới chợ, một khu phố phường nội thị chuyên nghề và chuyên mặt hàng, một cảng sông với nhiều bến đò, và những cụm làng nghề ven đó. Đó là một cấu trúc kinh tế khá ổn định, nhưng cũng chuyển biến khá chậm chạp. Giữ vai trò chủ đạo là một nền kinh tế thủ

công-thương nghiệp dần gian với quy mô sản xuất và lưu thông nhỏ. Chấm phá vào đó là một số hoạt động kinh doanh buôn bán lớn của giới phú thương Hoa kiều. Nên kinh tế hàng hóa đô thị có mối liên hệ gắn bó và thường trực với một hậu phương nông thôn rộng lớn của những cộng đồng làng xã, kết hợp kinh tế nông-thủ công nghiệp. Việc trao đổi hàng hóa với các thị trường vùng, liên vùng, toàn quốc, cũng như trong khu vực và quốc tế diễn ra không đều, lúc mở rộng khi thu hẹp, lúc sôi nổi khi trầm lắng, nhưng nhìn chung vẫn không đủ để tạo nên một sức bật kinh tế đột biến về chất, có thể làm thay đổi mô hình.

Tương ứng với kết cấu kinh tế là một cấu trúc xã hội cũng tương đối ổn định, vừa cố kết cộng đồng vừa phân tầng đẳng cấp tôn ti. Một giai tầng quan liêu nho sĩ cai trị khối quần chúng bình dân đô thị, được coi là cha mẹ của dân chúng (dân chỉ phụ mẫu), đồng thời cũng là dây tấc của dân chúng (dân chỉ công bộc). Trên danh nghĩa, các quan là những phần tử tinh hoa ưu tú xã hội, chăm sóc giáo hóa dân chúng. Có những vị quan xứng đáng với chức năng nhiệm vụ đó. Nhưng trên thực tế, một số dòng (tuy không phải là tất cả) đã dần dần trở thành những kẻ thống trị thoái hóa biến chất, lạm quyền và tham nhũng, áp bức bóc lột dân lành.

Những người dân đô thị, trên nguyên tắc là những con người tự do, không giống thân phận của các nông nô dưới chế độ phong kiến lãnh chúa hay của giai cấp vô sản dưới chế độ tư bản sơ kỳ châu Âu, nhưng luôn luôn vẫn là những thân dân của nhà vua và chính quyền quan lại, hầu như không có quyền hành chính trị gì ngoài việc lao động và vâng lời, chưa bao giờ vươn lên được địa vị chủ nhân của các công dân đô thị.

Hỗ trợ cho việc duy trì, củng cố kết cấu kinh tế-xã hội đó, là sự chi phối của một quyền lực tinh thần của học thuyết Tống Nho, thấm sâu vào tâm thức xã hội và trở thành truyền thống được mặc nhiên chấp nhận với những quan điểm chính danh định phận, trọng nông ức thương, tôn ti thủ cựu...

Sự tương đối ổn định và hòa dịu của kết cấu kinh-tế xã hội Thăng Long-Hà Nội truyền thống, về một khía cạnh nào đó, có thể là một nét tích cực, tránh được những đứt gãy, đổ vỡ lịch sử. Nhưng qua thời gian, ổn định đã biến dần thành trì trệ lạc hậu, thoái hóa, kìm hãm tiến bộ xã hội. Kinh thành Thăng Long thời Lý-Trần không thua kém gì các thành thị Trung đại Tây Âu đồng đại. Nhưng rõ ràng Hà Nội cuối thế kỷ XIX đã lạc hậu rất nhiều so với những thành thị phương Tây về mọi mặt. Điều đó không khỏi làm chúng ta phải băn khoăn suy nghĩ, buộc chúng ta phải đặt ra những câu hỏi lớn.

Kết cấu kinh tế-xã hội Hà Nội chỉ thực sự có những chuyển biến về chất trong khoảng gần 150 năm gần đây, đặc biệt là trong hai thập kỷ đầu và cuối của thế kỷ XX. Lần đầu là cuộc xây dựng Hà Nội với tư cách là thủ phủ Liên bang Đông Dương thời kỳ Toàn quyền Paul Doumer (3) trong Cuộc khai thác lần thứ nhất, và lần sau là những năm phát triển và hội nhập đô thị sau Đổi mới kinh tế.

Nội dung chủ yếu của sự chuyển biến kinh tế-xã hội Hà Nội đầu thế kỷ XX là từ một đô thị phong kiến truyền thống từng bước trở thành một đô thị hiện đại thuộc địa, theo mô hình các đô thị tư bản chủ nghĩa phương Tây, với một số nét được coi là tân tiến nhất thời đó. Rõ rệt nhất là sự thay đổi về quy hoạch đô thị, với sự ra đời của những khu phố Âu, hệ thống đường phố mới, những công trình kiến trúc hiện

dại và thời thượng. Cùng với đó là một cơ sở hạ tầng đô thị mới, với các tuyến đường giao thông xe lửa và xe điện, có điểm nhấn là cây cầu sắt Paul Doumer (cầu sông Cái) nổi tiếng bắc qua sông Hồng. Kinh tế công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa được du nhập, cùng tồn tại bên cạnh cơ cấu kinh tế truyền thống, đưa Hà Nội tích hợp vào hệ thống kinh tế chính quốc và thế giới.

Một cơ cấu xã hội đô thị mới được hình thành, là hệ quả của việc Hà Nội hoàn toàn trở thành một thành phố thuộc địa do Pháp cai trị, với một tòa Đốc Lý dưới quyền của Thống sứ Bắc Kỳ và Toàn quyền Đông Dương. Giai tầng quan liêu nho sĩ cũ không còn chỗ đứng trong một Hà Nội mới, kéo theo sự suy tàn của nền giáo dục khoa cử Hán học. Thay vào đó, một tầng lớp học sinh, công chức do nền giáo dục mới đào tạo bằng chữ Quốc ngữ và chữ Pháp xuất hiện, tạo thành mầm mống của giai tầng tiểu tư sản trí thức sau này. Bên cạnh đó, do những chuyển biến kinh tế, một số nhà công thương nghiệp người Việt được dịp đẩy mạnh và mở rộng hoạt động kinh doanh, là tiền thân của giai cấp tư sản ra đời sau đó ít lâu. Cũng qua Cuộc khai thác kinh tế lần thứ nhất, giai cấp công nhân non trẻ của Hà Nội đã bước đầu hình thành, gia nhập khối quần chúng bình dân đô thị.

Tóm lại, đầu thế kỷ XX, một cơ cấu kinh tế-xã hội-văn hóa mới của Hà Nội đã hình thành, lai ghép với kinh tế-xã hội đô thị truyền thống cũ. Nó tạo nên những chuyển biến về chất, theo hướng một đô thị hiện đại. Tuy nhiên, cái giá phải trả là khá đắt. Mất mát lớn nhất là quyền độc lập tự chủ dân tộc bị tước đoạt. Những thân dân trước kia của vua quan thì nay trở thành những người dân mất nước sống dưới ách đô hộ của một chính quyền ngoại bang. Cùng với đó là những truyền thống văn hóa-xã hội cũ bị

phá vỡ. Trong buổi giao thời, khi cái mới chưa thực định hình, một tầng lớp mới hãnh tiến có dịp thao túng xã hội, với những hành xử bị đánh giá là mất gốc, những thói tệ xấu xa, kệch cỡm. Cơ cấu kinh tế-xã hội thuộc địa đầu thế kỷ XX về cơ bản đã được duy trì, tồn tại cho đến khi Chiến tranh thế giới lần thứ Hai kết thúc năm 1945.

Trong hơn 4 thập kỷ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Hà Nội đã chịu tác động của nhiều biến cố chính trị to lớn. Nhưng mặt khác, kết cấu kinh tế-xã hội đô thị nhìn chung, tỏ ra ít thay đổi. Đó có thể là do hệ quả của hai cuộc chiến tranh ác liệt gian khổ và thập kỷ trì trệ thời kinh tế chỉ huy bao cấp. Tuy nhiên, trong hơn 20 năm sau Đổi Mới, kết cấu kinh tế-xã hội Hà Nội đã chuyển biến mạnh mẽ, mang tính đột phá, tương tự như cuộc chuyển biến đầu thế kỷ.

Không kể những thay đổi dễ nhận thấy về cảnh quan diện mạo đô thị và đời sống thị dân, nét nổi bật của sự chuyển biến lần này là tính phức hợp đa nguyên kinh tế-xã hội đã tăng lên đáng kể, theo một dạng thức mới. Thay vì một nền kinh tế đơn nguyên, mang tính nhà nước tập trung, chỉ huy bao cấp, là một nền kinh tế hỗn hợp nhiều thành phần, trong đó nổi bật đặc điểm thị trường tự do hóa, luôn luôn có sự cạnh tranh giữa yếu tố phi nhà nước với yếu tố nhà nước.

Cơ cấu xã hội cũng chuyển biến sâu sắc, có sự sắp xếp lại, chuyển hóa, hoán vị và đảo lộn. Có những tầng lớp cũ nay trở lại một cách đặc trưng trên sân khấu xã hội với một tên gọi mới và vai trò mới. Giai cấp tư sản trở thành tầng lớp doanh nhân. Địa chủ trở thành chủ trang trại. Có cả những nhà tài phiệt ngân hàng, chứng khoán. Từ tiếm lực kinh tế, họ bắt đầu bước vào địa hạt chính trị, liên kết với một số quan chức cấp cao nhà nước và giới đại tư bản nước

ngoài, tạo nên những nhóm lợi ích đầy thế lực chi phối. Các tầng lớp khác cũng có chuyển biến, tính chất hữu sản và trình độ học vấn tăng lên đáng kể. Đời sống các quan chức, cán bộ từ thượng lưu đến trung lưu tỏ ra khá giả hơn trước, một số giàu có. Một số bình dân đô thị, gặp thời cơ may mắn hoặc bằng những thủ đoạn mưu mẹo được đổi đời, nhẩy lên gia nhập tầng lớp thượng lưu ưu tú. Tuy mặt bằng chung về dân trí của cộng đồng cư dân đô thị có thể chưa được nâng cao một cách thực chất, song đã xuất hiện một tầng lớp trí thức mới, có chuyên môn cao và bước đầu độc lập về tư tưởng học thuật. Trong quá trình hội nhập, liên kết kinh tế quốc tế, một giai cấp công nhân trẻ ngày càng phát triển về số lượng, trình độ văn hóa có khá hơn, tuy đời sống còn khá thấp kém, một số nơi là tồi tệ. Số đông lo toan cho cuộc sống hàng ngày của gia đình, một số ít đã bước đầu có ý thức giác ngộ đấu tranh cho quyền lợi dân sinh. Cũng giống như giới phú thương Hoa kiều trước đây, các nhân tố nước ngoài trong kinh tế-xã hội Hà Nội ngày nay, một mặt có tác dụng kích thích kinh tế tăng trưởng, chuyển giao công nghệ, tạo việc làm, mặt khác cũng cạnh tranh, lấn át và chi phối giới doanh nhân Việt và gây bức xúc đối với công nhân trong đời sống lao động.

Cuối cùng, không thể không nói đến việc cơ cấu kinh tế-xã hội Hà Nội đã có phần xáo trộn qua nhiều lần thay đổi địa giới hành chính của thành phố. Trong lần thay đổi gần đây nhất vào năm 2008, quy mô thành phố đã mở rộng, phình to ra gấp hơn 3,5 lần về diện tích và gần 2 lần về số dân. Việc mở rộng này, một mặt làm tăng thêm vị thế và tiềm năng của thủ đô, mặt khác cũng làm loãng nhạt đi nồng độ đô thị, gia tăng đáng kể tổ chức nông thôn trong phạm vi toàn thành phố, đặt ra nhiều vấn đề mới phát sinh, cần phải lưu ý giải quyết.

3. Tiếp cận đến viễn cảnh một đô thị tương lai.

Viễn cảnh một xã hội, cũng như một đô thị tương lai là một mục tiêu lý tưởng, một hình ảnh mơ ước mà chúng ta luôn luôn hướng tới và cố gắng tiếp cận, cho dù rằng có lẽ chẳng bao giờ đạt được trọn vẹn. Nó vừa lãng mạn, vừa hiện thực, không ảo tưởng nhưng cũng không hề tầm thường.

Các châm ngôn phổ quát của nhân loại và những biểu trưng, khẩu hiệu của đất nước đã quá đầy đủ để nói lên mục tiêu lý tưởng đó. Chúng ta chỉ cần tập hợp, viện dẫn, diễn giải và cố gắng thực hiện phần nào những ý tưởng cao đẹp ấy.

Theo đó, xã hội, đô thị mà chúng ta hướng tới trong viễn cảnh chính là một xã hội của Chân-Thiện-Mỹ, đẩy lùi cái giả dối, cái ác và cái xấu. Một xã hội mà mọi người đều có quyền sống độc lập, hưởng tự do và có quyền mưu cầu hạnh phúc. Đó cũng là một xã hội, một đô thị mà mọi người, chỉ ít là đa số người dân đều có cơm ăn, áo mặc, được học hành, và phấn đấu để tiến tới nhiều người dân được ăn ngon mặc đẹp, nhà ở tiện nghi, có văn hóa cao. Quan trọng hơn cả là những con người có nhân cách, lòng tự trọng, biết xấu hổ và giàu lòng nhân ái. Đó là một đô thị giàu đẹp, dân chủ, công bằng và văn minh.

Tuy nhiên, định hướng để tiếp cận đến những mục tiêu lý tưởng đó đâu phải chỉ cần đến ý chí quyết tâm hoặc tích cực soạn thảo kế hoạch, mà trước hết, cần đến một tư duy và thao tác khoa học. Chúng ta cần nhận biết đến xu thế phát triển chung, dòng chủ lưu của sự tiến hóa nhân loại, của thế giới đương đại và từ đó suy ra của đất nước, dân tộc. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của các nhà hoạch định chính sách là phải dựa trên xu thế chung trên hành tinh, minh định nó và thúc đẩy nó trong những

điều kiện cụ thể. Di chệch ra khỏi xu thế tất yếu đó, sẽ mắc phải tệ chủ quan duy ý chí, dẫn đến sự lạc lõng. Lịch sử thế giới, lịch sử dân tộc đã chứng kiến nhiều hậu quả tệ hại của sự lạc đường. Ở đây, một thao tác chính trị hóa khoa học hóa cần được thay thế bằng việc khoa học hóa chính trị.

Trong *"Đạo đức kinh"*, Lão Tử nói: "Đặt thân ở phía sau, thì thân sẽ đứng trước... Không tự hiện mình ra, cho nên mới tỏa sáng" (Hậu kỳ thân nhi thân tiên... Bất tự hiện cố minh) (4). Nhà chính trị và nhà kinh tế giỏi, khôn ngoan thường chỉ nên thiết kế cho tốt, mà không cần trực tiếp đứng ra chỉ huy. Không chỉ việc dắt tay, mà chỉ khéo léo sử dụng một "bàn tay vô hình" trong việc điều chỉnh và điều khiển xã hội, còn hãy để quần chúng tự làm, chớ nên can thiệp một cách thô bạo. Một khi mục tiêu hợp với lòng người, thuận theo ý dân, mọi người tất sẽ tự tìm đến và biết cách phải làm gì để hướng tới mục tiêu. Người xưa thường nói "vô vi nhi trị", "vô vi nhi dân tự hóa", "hiếu tĩnh nhi dân tự chính", cũng là hàm ý đó.

Trở lại việc xác định mục tiêu của một Hà Nội trong viễn cảnh tương lai. Trong việc xây dựng và phát triển Thủ đô, chúng ta thường nói đến sự kết hợp truyền thống và hiện đại. Nhưng thế nào là truyền thống, thế nào là hiện đại? Nói cụ thể hơn, tính truyền thống và tính hiện đại phải được thể hiện qua những đặc điểm gì của một đô thị tương lai? Chúng ta đều biết truyền thống và hiện đại đều mang tính hai mặt, tích cực và tiêu cực. Vấn đề là lựa chọn, bảo tồn phát huy cái gì và rũ bỏ từ chối cái gì. Cũng vậy, đô thị Hà Nội tương lai vừa phải mang những tiêu chí và giá trị phổ quát, vừa phải có những dấu ấn của bản sắc đặc thù. Chúng tôi cho rằng trong viễn cảnh, kết hợp sự tham chiếu lịch đại

và đồng đại, thủ đô Hà Nội tương lai phải nên mang những đặc điểm cơ bản sau:

· Một đô thị nhân bản

Trước hết, một đô thị nhân bản phải mang tính người, gần gũi mà không xa lạ với những thuộc tính chủng loại của con người. Mà như Pascal nhận xét: "Con người ta không phải là thiên thần, cũng không phải là súc vật". Ông cũng rất thâm thúy và chí lý khi nói thêm: "Điều bất hạnh là người nào cứ muốn làm nó phải trở thành thiên thần, sẽ biến nó thành loài súc vật" (5). Sai lầm cơ bản của hệ tư tưởng Nho giáo xưa kia là nuôi tham vọng áp đặt việc nho sĩ hóa trong toàn bộ xã hội, muốn tất cả mọi người đều phải là những bậc hiền nhân quân tử vẹn toàn, một điều hoàn toàn phi thực tế và phản nhân văn. Vì vậy, trong đô thị tương lai của chúng ta, từ những nhu cầu nguyên sơ nhất của người dân thường đến các khát vọng cao đẹp nhất của tầng lớp ưu tú đều cần phải được xem xét, chú ý đến một cách bình đẳng, không thiên vị. Cũng vậy, trong khi dành ưu tiên cho quần chúng đa số, cần nên quan tâm, chiếu cố đúng mức đến những lợi ích và nhu cầu loại biệt của những nhóm xã hội thiểu số và những nhóm người chịu nhiều thiệt thòi như những người già, người khuyết tật, người mất năng lực trí tuệ. Người lớn và đàn ông phải chịu nhường nhịn, dành sự ưu ái cho trẻ em và phụ nữ.

Một đô thị nhân bản, cũng như một xã hội nhân bản, cần lấy con người làm bản vị, làm trung tâm, làm thước đo giá trị. Chính con người, mà không phải là những con số, phải được coi là mục đích, chứ không phải chỉ là phương tiện cho mọi toan tính, kế hoạch, dự án. Con người phải được coi là điểm xuất phát và điểm đến trong mọi suy nghĩ và hành động của toàn xã hội, trước hết là trong tư duy của những người cầm

quyền. Vì mỗi con người là cả một thế giới, một vũ trụ vi mô, chứ không phải chỉ là những ốc vít trong một cỗ máy khổng lồ. Chỉ số tăng trưởng của một đô thị, một quốc gia không chứng minh và bảo đảm, cũng không đồng nghĩa với chỉ số hạnh phúc của đô thị quốc gia đó. Chỉ chạy đuổi theo những con số - nhiều khi là số ảo - rất dễ đi đến sự huỷ hoại, lừa dối người khác và tự lừa dối mình.

Một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và của con người Thăng Long-Hà Nội là sống có đạo lý, tình nghĩa, chia sẻ buồn vui, nhường cơm sẻ áo. Đó chính là sự biểu hiện của tinh thần nhân đạo, nhân văn, nhân bản. Sống có tình nghĩa, cũng chính là biết bao dung đối với những hành xử khác ý mình, khoan thứ những lỗi lầm và cảm thông đối với những nỗi bất hạnh của người khác. Trong một đô thị nhân bản, tinh thần đạo lý, tình nghĩa đó cần biến thành một tâm thức xã hội và được quán triệt trong các đường lối chính sách, luật pháp cơ chế, cách xử lý giải quyết của nhà cầm quyền. Nâng cao đời sống cộng đồng, phúc lợi và an sinh xã hội cũng nên có một vai trò và thị phần to lớn hơn trong việc hoạch định các chính sách và ngân sách kinh phí. Một đô thị, cũng giống như một con người vị tha, dù có nghèo hơn nhưng vẫn đáng được tôn trọng hơn một con người, một thành phố giàu có vị kỷ.

- Một đô thị văn minh

Hiểu một cách đơn giản, một đô thị văn minh là một đô thị hiện đại và có văn hóa cao. Về mặt vật chất, đô thị hiện đại phải xứng tầm với các đô thị khác trên thế giới đương thời trong quá trình hội nhập quốc tế.

Cách đây 150 năm, nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ đã từng khuyến cáo "phải đưa Việt Nam vào dần hòa tấu của các quốc gia trên thế giới" (6). Chính vì không hội nhập

quốc tế mà Hà Nội tiến thực dân dã ở một mặt bằng lạc hậu hàng thế kỷ so với thời đại. Và cũng chính vì dưới tác động của hội nhập quốc tế mà sau hai thập kỷ vừa qua, Hà Nội đã bước đầu có những dáng nét của một đô thị hiện đại về diện mạo cũng như về kinh tế-xã hội.

Một đô thị phải có một cảnh quan tân tiến, một tiềm lực kinh tế mạnh và một đời sống thị dân tương đối cao. Chúng ta hy vọng rằng trong khoảng một thập kỷ tới, chúng ta có thể căn bản thực hiện được theo hướng những tiêu chí đó với điều kiện chúng ta huy động được sức mạnh của toàn thể xã hội, kết hợp nội ngoại lực, trước hết là để vực lên mặt bằng toàn thành phố khu vực nông thôn mới được sáp nhập vào Hà Nội mở rộng. Chúng ta cũng không thể không xúc tiến một nền sản xuất lớn và những ngành kinh tế mũi nhọn. Có điều, không nên dàn trải mà nên tập trung vào một vài công trình dự án trọng điểm gây được ấn tượng. Điều đó không có nghĩa là bắt buộc phải chạy theo những tham vọng lớn kém và nhiều rủi ro như việc xây dựng những cao ốc kỳ lục hoặc đường sắt cao tốc. Những kế án đem lại lợi ích nhiều mặt cho quốc kế dân sinh, nâng cao mức sống của đại đa số quần chúng nhân dân có lẽ là thích hợp nhất và sẽ được hoan nghênh hơn cả.

Nhưng con người ta không chỉ sống bằng bánh mì hoặc cơm gạo. Điều quan trọng không kém là một đời sống văn hóa cao của cư dân. Nâng cao mặt bằng dân trí thông qua giáo dục là cần thiết nhưng chưa đủ. Trong một xã hội trí thức và thế giới phẳng như ngày nay, quyền bình đẳng tiếp cận thông tin và biểu lộ quan điểm cần được tôn trọng. Mặt khác, văn hóa không chỉ là trình độ học vấn, mà trước hết thể hiện trong nếp sống, cách ứng xử, một kỷ luật đô thị tự giác, một tinh thần ý thức được

những quyền dân sự chính trị cơ bản cũng như trách nhiệm nghĩa vụ của người công dân. Trong những cuộc vận động văn hóa, cần nên tránh những biện pháp hành chính, áp đặt một khuôn mẫu chuẩn mực định sẵn cho tất cả mọi người noi theo, như kiểu ban bố rao giảng những điều giáo huấn trong các thời Lê Thánh Tông, Trịnh Tạc, Minh Mạng (7). Thay vào đó nên khuyến khích những phong trào tự phát mang tính thời thượng của quần chúng trong đó mọi người sẽ tự giáo dục, tự biết mình phải ứng xử thế nào, làm gì để trở thành một người có văn hóa, cho chính bản thân chứ không phải là để tỏ ra cho mọi người biết hoặc được khen thưởng.

Đối với Hà Nội, ứng xử có văn hóa còn là giữ gìn bản sắc dân tộc và bản sắc đô thị, tài năng lao động sáng tạo và nếp sống thanh lịch truyền thống. Bao trùm lên là một con người có nhân cách hòa đồng với môi trường thiên nhiên, cộng đồng xã hội và thế giới tâm linh. Đô thị văn minh là một đô thị vươn tới những giá trị tinh hoa phổ quát của nhân loại, đồng thời giữ được những nét bản sắc riêng, đặc hữu.

- Một đô thị khai mở

Quá khứ không thể thay đổi, nhưng tương lai có thể lựa chọn. Trong lịch sử, xã hội Việt Nam cũng như đô thị Thăng Long-Hà Nội truyền thống cơ bản là một xã hội đóng, phong bế, xơ cứng về kết cấu kinh tế-xã hội, thiết chế chính trị-hệ tư tưởng cũng như về giao lưu văn hóa và quan hệ đối ngoại (trừ đối với thế giới Trung Hoa). Hệ quả của mô hình đóng và xơ cứng đã dẫn đến tình trạng trì trệ và lạc hậu, tạo nên những mâu thuẫn xã hội và nguy cơ khủng hoảng. Ở một dạng thức khác, Hà Nội những năm trước Đổi mới kinh tế cũng đã đương đầu với một tình hình tương tự như thế.

Ngày nay, đô thị đã bắt đầu khai mở, trước hết và chủ yếu về mặt kinh tế. Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, với những tiến bộ vượt bậc của phương tiện giao thông và công nghệ thông tin truyền thông, thế giới đã trở thành một ngôi làng hành tinh nhỏ bé. Khai mở là một xu thế lịch sử không thể đảo ngược. Tuy nhiên, không phải là mọi vấn đề đều đã được hiểu một cách rõ ràng.

Một xã hội, một đô thị khai mở trước hết là không cố chấp, thừa nhận hiện tượng và khả năng tự điều tiết, tự điều chỉnh đời sống kinh tế-xã hội qua tác động của cơ chế thị trường. Nó sẽ phát huy tính chủ động sáng tạo những chủ thể kinh tế, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Trong một khung cảnh kinh tế-xã hội tự do hóa, chúng ta không phủ nhận vai trò can thiệp của nhà nước trong một mức độ thích đáng và trong những trường hợp cần thiết, với tư cách là một trọng tài xã hội để bảo đảm tính hợp pháp, lành mạnh của đời sống, việc sở hữu và quản lý các tư liệu sản xuất và phân phối của cải xã hội. Tuy nhiên, sự can thiệp đó cần tế nhị, dưới hình thức gián tiếp và tối nhất là nên ẩn giấu, thông qua những hành lang pháp lý, biện pháp khuyến khích và chế tài cũng như tạo dư luận xã hội. Và sự can thiệp đó cũng không phải là để giành thị phần lớn hơn hoặc nhiều ưu đãi hơn đối với khu vực nhà nước, mà nên chủ yếu để bênh vực những người yếu thế, không có quyền lực, không được bảo vệ, quần chúng dân nghèo.

Điều cần thiết hơn là sự khai mở về trí tuệ, nhận thức tư tưởng, trước hết là ở giới quyền lực và quan trọng nhất là cho toàn thể mọi thành viên xã hội. Xã hội là một cơ thể sống. Không lưu thông về tư tưởng cũng như không lưu thông về khí huyết, ứ đọng dẫn đến trì độn và tật bệnh, như y học cổ

truyền dân nói, "bất thông tắc thống". Muốn vậy, cần từ bỏ ảo tưởng "độc quyền chân lý" và bệnh dị ứng với khác biệt. Đừng đánh đồng những tư tưởng, quan điểm phân biệt đối trọng với những hành động chống đối phá hoại. Một xã hội khai mở, tôn trọng khác biệt, phân biệt đối trọng là một xã hội lành mạnh, bước đi vững chắc bằng cả hai chân phải và trái.

Trong một xã hội khai mở, xã hội dân sự pháp quyền, mọi người dân đều có quyền lợi cùng nghĩa vụ. Nhưng do những di chứng lịch sử để lại, hình như đến nay người dân vẫn còn mơ hồ, thậm chí e ngại khi đề cập đến những quyền lợi dân sự chính trị cơ bản, cũng như trách nhiệm nghĩa vụ công dân của mình. Có lẽ ngày nay vẫn có không ít những con người Hà Nội giữ một thái độ hành xử thụ động cầu an, như một bạch đình làng xã mà cách đây một thế kỷ, nhà văn hóa Phan Kế Bính, trong cuốn *Việt Nam phong tục*, đã nhận xét: "Họ phân nhiều là hạng lương thiện, chỉ biết chăm chỉ làm ăn, theo đòi đóng góp với làng, bảo xôi ừ xôi, bảo thịt ừ thịt, miễn là được yên phận cho mình làm ăn là đủ, còn công việc làng nước đều phó mặc người đàn anh khu xử, không muốn việc gì lôi thôi đến mình" (8).

Một xã hội khai mở, cũng giống như con chim trên trời. Muốn bay cao bay xa, tất nhiên phải giương mở đôi cánh rộng. Nhất là một khi đang bay mà thu mình cụp cánh, dứt khoát là tai họa sẽ đón chờ.

4. Một số vấn đề bức xúc đối mặt với thực trạng kinh tế-xã hội thủ đô Hà Nội

Hai thập kỷ Đổi mới đã đem lại một sự phát triển gây ấn tượng không thể chối cãi đối với kinh tế-xã hội đô thị Hà Nội. Điều đó chứng tỏ những tiềm năng của cộng đồng cư dân Hà Nội đã có thể bộc lộ và phát huy như thế nào một khi được giải

phóng thoát khỏi sự ràng buộc của cơ chế, tư tưởng và những lệ thói cũ lỗi thời. Diện mạo đô thị thay đổi, có lúc với một tốc độ chóng mặt, đời sống dân chúng nhìn chung được nâng cao, quan hệ của Thủ đô với quốc tế mở rộng. Chúng ta có quyền tự hào về những tiến bộ đó.

Nhưng chỉ tự hào ca ngợi mà bên cạnh đó, không nhận thấy hoặc coi nhẹ những mặt yếu kém sẽ là một thái độ thiếu khoa học, thậm chí nguy hiểm. Sự thành công nào cũng có cái giá phải trả. Tự chiêm ngưỡng hình bóng mình theo kiểu "hội chứng Narcisse" làm mờ đi sự sáng suốt khi đôi mắt, phân tích những vấn đề bức xúc, có thể dẫn đến tai họa. Vẫn biết rằng trong mọi xã hội đô thị, nhất là trong những đô thị hiện đại phát triển, bao giờ cũng tồn tại những mặt tối, khuyết tật, tệ nạn cần bình tĩnh nhận định để từng bước giải quyết. Nhưng một khi những vấn đề bức xúc đó đã trở nên phổ biến, mãn tính, vượt ngưỡng cho phép, thì lại là một tình trạng báo động không thể coi thường. Vậy trong số nhiều vấn đề phức tạp, Hà Nội hiện nay và trong tương lai chúng ta có thể sẽ phải đối mặt với những vấn đề bức xúc chủ yếu nào?

- Phát triển thiếu cân đối

Trong thời gian qua, kinh tế Hà Nội tăng trưởng khá ngoạn mục. Nhưng phải chăng đó đã là một sự phát triển cân đối vững chắc? Sự khởi sắc một phần lớn do tác động của quá trình hội nhập quốc tế. Nhưng quá trông chờ vào yếu tố ngoại sinh mà không chủ yếu dựa vào nội lực, có thể là một quan điểm chưa khôn ngoan. Trước đây, hoạt động buôn bán của phố phường Hà Nội cũng đã từng phồn vinh, nhưng cơ bản dựa vào tầng lớp đại thương ngoại quốc, Hoa kiều và Pháp kiều. Thương mại bản xứ bị lấn át, thao túng, không thể nào

cạnh tranh vươn lên được. Ngày nay, kinh tế có yếu tố nước ngoài vẫn chiếm thị phần lớn nhất trong cơ cấu kinh tế thành phố. Hiện tượng nhập siêu khá trầm trọng. Năm 2007, kim ngạch nhập khẩu lớn gấp 3,42 lần kim ngạch xuất khẩu. Thế lực kinh tế nước ngoài đang gây những áp lực lớn lên nền kinh tế quốc dân và đô thị. Phải chăng chúng ta đang đứng trước nguy cơ có thực “gánh vàng đi đổ sông Ngô”? Sản xuất và kinh doanh lớn của người Việt chủ yếu tập trung vào các tập đoàn kinh tế nhà nước, nhưng những tập đoàn này lại đang có những dấu hiệu sa sút qua những vụ bê bối lớn.

Việc mở rộng địa giới thành phố cũng tạo nên một sự mất cân đối kinh tế xã hội giữa nông thôn và thành thị. Làm sao để vực dậy được tiềm lực kinh tế của một vùng nông thôn rộng lớn, tránh nguy cơ của hiện tượng một đô thị loãng xóp. Hà Nội mở rộng, làm tăng thêm quỹ đất đai và con người của thành phố. Nhiều khu vực nông thôn được trưng dụng làm những khu đô thị, khu công nghiệp, xây dựng đô thị vệ tinh. Nhưng liệu chúng ta có yên tâm khi những vụ tranh chấp đất đai, khiếu kiện đông người chung quanh các vấn đề giải tỏa mặt bằng, đền bù giá cả, hoạch định địa giới cùng nạn kiếm tiền ruộng đất đang có khuynh hướng gia tăng phát triển?

Tất cả những thách thức trên sẽ còn tồn tại và chưa thể giải quyết thỏa đáng chừng nào chúng ta vẫn chưa có được một cơ chế rõ ràng minh bạch về việc xác định yếu tố công và tư, quyền hạn trách nhiệm của các tập đoàn kinh tế nhà nước và xí nghiệp nước ngoài, một bộ luật mới, minh định rõ ràng quyền sở hữu, chiếm hữu, quản lý, sử dụng đất đai một cách hoàn chỉnh, cập nhật và hợp lý.

- Bất bình đẳng xã hội

“Con người sinh ra là bình đẳng nhưng luôn luôn mọi lúc mọi nơi ở trong tình trạng bất bình đẳng”. Thực tế lịch sử và cuộc sống đã chứng minh đầy đủ nghịch lý khắc nghiệt đó. Lý tưởng, khát vọng về một xã hội đại đồng, viễn cảnh về một xã hội cộng sản đích thực tương lai là một giấc mơ đẹp và quyến rũ, nhưng cũng là một nhận thức có phần không tưởng.

Tuy nhiên, thừa nhận bất bình đẳng xã hội không có nghĩa là chúng ta thờ ơ, để mặc cho sự bất bình đẳng đó gia tăng. Một khi khoảng cách về quyền lực, tài sản, thu nhập và đời sống giữa các nhóm xã hội trở nên quá lớn, sẽ gây ra nhiều hiểm họa xã hội, đe dọa hủy diệt tính nhân văn, dẫn đến hiện tượng bất công mà lương tri con người không thể chấp nhận. Nếu ngày nay, chúng ta còn giữ lại được chút cảm hứng nào về lý tưởng xã hội chủ nghĩa, về một xã hội không còn bóc lột, áp bức bất công, mà một thời đã từng là khát vọng cháy bỏng trong tâm trí của nhiều người, thì chúng ta ắt hẳn phải suy nghĩ và đau lòng trước hiện tượng bất bình đẳng xã hội, sự phân cách giàu nghèo quá mức đang diễn ra trong đất nước và các đô thị.

Sự bất bình đẳng xã hội ngày nay không còn mang hình thức cổ điển như các sách giáo khoa trước đây từng giảng dạy chúng ta. Nó không chỉ và chủ yếu không còn là sự bất bình đẳng về sở hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu như trong xã hội tư bản chủ nghĩa Tây Âu thế kỷ XIX. Thay vì sự bất bình đẳng về quyền sở hữu trực tiếp, là sự bất bình đẳng về quyền quản lý, sử dụng và sự chi phối thao túng về kinh tế-chính trị, nhiều khi còn tệ hại hơn. Vì một khi có quyền sở hữu tuyệt đối và suốt đời, người ta buộc phải tính toán, thận trọng trong khi khai thác những nguồn lợi đó, với ý

thức ăn xèn để dành. Nhưng trong phạm vi quyền chiếm hữu có thời hạn và có điều kiện, lòng tham khiến người ta phải tranh thủ tận dụng, vắt kiệt nguồn sinh lợi một khi còn thời gian và quyền lực.

Mặt khác, trong một xã hội phương Đông như Việt Nam truyền thống, bất bình đẳng không nhất thiết phải gắn liền với việc chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và bóc lột kinh tế trực tiếp. Trái lại, nó xuất phát từ sự bất bình đẳng về quyền lực và địa vị xã hội. Giai tầng quan liêu ở Việt Nam xưa kia thực tế là có khá ít ruộng đất, nhưng những quan tham vẫn có khả năng làm giàu, tích lũy của cải thông qua những thủ đoạn bóc lột phi kinh tế, điển hình là tề tham nhũng. Họ không kinh doanh buôn bán hàng hóa, mà kinh doanh buôn bán quyền lực. Quyền dễ ra tiền và đến lượt nó, tiền bạc lại củng cố thêm quyền lực.

Khoảng cách quyền lực, địa vị, tài sản, thu nhập và đời sống có thể được coi như một hiệu thế xã hội (9). Khi hiệu thế đó ở mức dưới ngưỡng, cơ chế xã hội vẫn có thể vận hành bình thường. Nhưng một khi hiệu thế đó vượt ngưỡng an toàn, sẽ hình thành một xã hội cao thế-cao áp, nguy cơ bùng nổ vốn tiềm ẩn sẽ có khả năng xảy ra bất cứ lúc nào dưới nhiều dạng thức, dẫn đến khủng hoảng, thậm chí sụp đổ.

Một xã hội hợp lý, văn minh nên phải là một xã hội luôn luôn ở mức hạ thế-hạ áp. Quyền lực và của cải không được phép quá tập trung, mà nên phân phối san sẻ cho số đông người. Hiệu thế xã hội càng nhỏ càng tốt, mặt khác cần có những van xả an toàn để tránh tai họa bùng nổ. Chính quyền và công luận xã hội chính là một thiết bị biến thể ổn áp.

Ngày nay, sự phân hóa giàu nghèo và khoảng cách quyền lực ở Hà Nội đương đại có thể đã ở mức báo động. Những người dân

có lương tri và một chính quyền mang tên xã hội chủ nghĩa dứt khoát không thể chấp nhận nghịch cảnh đó. Thế giới đang cất lên tiếng nói phẫn nộ của phong trào "99% chống lại 1%" bùng nổ trong 961 thành phố của 82 quốc gia (10). Đó là một dấu hiệu tích cực đáng suy nghĩ. Ngày xưa, nông dân khởi nghĩa với khẩu hiệu "lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo", dùng đến bạo lực bất hợp pháp. Thời Cải cách ruộng đất và Cải tạo tư sản, bạo lực cách mạng đã được sử dụng như một công cụ trấn áp giai cấp. Tất nhiên ngày nay, những hình thức đấu tranh quá khích đó không còn chỗ đứng. Nhưng có lẽ vẫn cần đến một giải pháp nào đó, hợp pháp, nhân đạo và văn minh để giảm thiểu hiệu thế xã hội, san sẻ lợi tức và quyền lực, hạn chế bóc lột, thí dụ không chế sự thao túng của những nhóm lợi ích, đánh thuế cao người giàu, cải tổ việc chi tiêu công, tăng phúc lợi xã hội, bênh vực công nông và dân nghèo, khuyến khích từ thiện, thực hiện và phát huy dân chủ đích thực, trực tiếp. Đó chính là nghĩa vụ của một chính quyền nếu muốn thực sự là "của dân, do dân và vì dân".

Lạm quyền và tham nhũng

Người ta thường nói tề lạm quyền và tham nhũng là hai chị em sinh đôi. Thực ra, phải nói đó là quan hệ mẹ - con mới đúng, vì chính sự lạm quyền - dù là lớn hay nhỏ - đã sinh ra tham nhũng. Nếu anh không có quyền, thì làm sao có thể tham nhũng, dùng quyền dễ ra tiền?

Xưa kia, hầu như tất cả những người ngoại quốc đến Việt Nam, trong đó có Thăng Long-Hà Nội, đều than phiền về tệ nạn tham nhũng của giới quan lại. Dân gian cũng có những câu như "Nén bạc dăm toạc tờ giấy" hoặc "Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan"... Nhưng sẽ là không công bằng khi cho rằng tham nhũng là căn tính

của tất cả mọi người làm quan hoặc thậm chí là thuộc tính cố hữu của người Việt. Tham nhũng chỉ phát triển được ở mảnh đất của những quyền lực chuyên chế, thiếu vắng dân chủ. Mà chế độ phong kiến nhà nước quan liêu của Việt Nam xưa kia là một chế độ chuyên chế, chuyên quyền.

Có thể con người sinh ra ở mọi thời và mọi nơi đều đã tiềm ẩn một cái "gene" lặn vj kỷ (11), một cái "meme" của lòng tham. Nhưng để cho lòng tham ích kỷ đó phát triển lây lan, trở thành một loại gene trội hoặc một dịch bệnh thì lại là lỗi của thể chế và pháp luật. Xưa kia ở Việt Nam, ở kinh thành Thăng Long, luật pháp trừng trị tội tham nhũng cũng rất nghiêm khắc, đến mức án tử hình. Sự kiểm soát hàng ngũ quan liêu cũng rất chặt chẽ qua chế độ khảo khóa định kỳ. Nhưng điểm yếu, nguyên nhân cơ bản của việc không đẩy lùi được nạn tham nhũng là do sự kiểm soát giám sát chủ yếu chỉ được thực hiện từ trên xuống dưới, mà coi nhẹ vai trò công luận quần chúng từ dưới lên trên, và quan trọng hơn cả là những người thực thi pháp luật cũng chính lại là những người nắm giữ quyền lực, không có một nền tư pháp độc lập.

Ngày nay, chúng ta nên học lại những bài học của quá khứ. Tệ tham nhũng với những hình thức khác nhau, mức độ khác nhau đang tràn lan, trở thành một vấn nạn xã hội phổ biến gây nhức nhối trong đời sống đô thị. Nguyên nhân chủ yếu của tệ tham nhũng có lẽ vẫn không có gì khác hơn là sự lạm quyền, lợi dụng khai thác khía cạnh kinh tế của quyền lực. Muốn chống tham nhũng, phải diệt trừ tận gốc, xóa bỏ tệ chuyên quyền, thủ đoạn dùng quyền lực như một công cụ ban ơn, sinh lợi. Tư pháp phải được độc lập, căn cứ vào hiến pháp và luật pháp, mà không bị chi phối bởi bất kỳ thế lực, sức ép nào, dù từ đâu đến. Không nề hà,

bao che những vụ tham nhũng lớn ở cấp cao. Nhà dột phải sửa lại nóc, lợp lại mái, không phải chỉ tích cực lau chùi nước đọng dưới mặt sàn hoặc cầu Trời dưng mưa.

Một giải pháp khác là cùng với sự giám sát từ các cơ quan chức năng bên trên, cần chú trọng việc giám sát rộng rãi của quần chúng bên dưới, tăng cường điều tra xã hội học và tâm lý xã hội, lắng nghe ý kiến và dư luận qua truyền thông, cam kết ủng hộ và bảo vệ người khiếu tố xác đáng. Có thể có những cú sốc, xảy ra những sự đổ vỡ nào đó. Nhưng nếu không chịu đau cắt bỏ ung nhọt, làm sao có thể trị bệnh, giữ cho cơ thể xã hội được lành mạnh, khỏi bị lây nhiễm thêm? Muốn cho sự giám sát nhân dân có hiệu quả, cần động viên khuyến khích người dân vượt qua được mặc cảm e ngại sợ hãi, vì như một câu danh ngôn, "điều đáng sợ nhất chính là sự sợ hãi". Mặt khác, cần nâng cao ý thức về quyền lợi dân sự và trách nhiệm công dân. Đó lại là trở về điểm xuất phát ban đầu: cần phát huy và thực thi một nền dân chủ đích thực và toàn diện.

- Nạn bạo hành và thói vô cảm

Bạo hành là một tệ nạn và tội phạm thường gặp ở những xã hội đô thị hiện đại phát triển, cũng như ở những nơi mà đời sống văn hóa chưa được trau dồi hoàn thiện. Tuy nhiên, nguy cơ bạo hành ở Việt Nam và Hà Nội ngày nay, với tần suất xuất hiện cao, cùng mức độ còn đẽ, phi nhân đáng sợ của nó, ở những con người trước đó từng sống lương thiện, đã gióng lên một hồi chuông cảnh báo đầy lo lắng. Người ta đã phân tích có lý nhiều nguyên nhân ngoại cảnh dẫn đến nạn bạo hành, như sự căm dỗ của đồng tiền thời kinh tế thị trường, ảnh hưởng của văn hóa bạo lực thông qua truyền thông đại chúng, pháp luật và việc xét xử chưa nghiêm... Tuy nhiên, cần phải nêu lên đích danh thủ phạm chính cùng

tông phạm của nó: sự băng hoại lương tri, lương tâm và thói vô cảm trước cái ác.

Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, có thể nói chúng ta đang chứng kiến một cuộc khủng hoảng nhân cách trong xã hội. Trong một số người, hy vọng là không nhiều, thần kinh xúc cảm đã bị tê liệt, lòng nhân ái bẩm sinh cạn kiệt, thay vào đó là một bản năng hung bạo phi nhân. Đời sống tén nhường tâm linh của họ cũng quá nghèo nàn hoặc không còn, vì nếu có, trước những tội lỗi bạo hành, tiếng nói khuyến thiện và lòng tin rạn vỡ sẽ cất lên thức tỉnh, can ngăn họ. Quy lỗi cho cá nhân, gia đình, cộng đồng xã hội hay cho quỷ dữ Satan đây?

Thói vô cảm xã hội đã tiếp tay cho cái ác, nhưng đâu là nguyên nhân của thói vô cảm? Sự ích kỷ, mặc cảm sợ hãi, tính cầu an hay một sức ép tinh thần nào khác? Gần đây, chúng ta vô cùng kinh ngạc khi nghe tin trong một thành phố bên kia biên giới, một bé gái hai tuổi bị xe cán giữa đường, đã bị bỏ mặc trước ánh mắt thờ ơ của hàng chục người đi qua chứng kiến. Và càng kinh ngạc hơn khi có một bà quét rác cứu bé em bé lên, thì có ý kiến chế diễu rằng việc cứu giúp đó liệu sẽ được lợi lộc gì? Cũng may có điều an ủi là trong và sau vụ việc đó, vẫn còn có những con người bình thường động lòng trắc ẩn, và công luận đã phần nộ lên án hành xử vô lương tâm. Ở Hà Nội, Việt Nam ngày nay, chúng ta thường nghe nói đến một thái độ hành xử theo chủ nghĩa "makenoism", (mặc kệ nó), bàng quan trước mọi nghĩa cử, thu mình về bảo vệ lấy sự yên ổn bản thân. Phải chăng đó là thói ứng xử khôn ngoan của những

người cầu an đáng thương hay là một thói tệ vô cảm dửng dưng đáng trách khi tiếp tay cho cái ác?

Có lẽ đã đến lúc chúng ta cần phát động một phong trào khơi gợi lại "tinh thần nghĩa hiệp xả thân" của Lục Vân Tiên, biết phần nộ và sẵn sàng can thiệp trước cái bất công, cái ác và cái xấu. Nhưng cái ác và cái xấu lại sinh ra từ cái giả dối, và Chân chính là ngọn nguồn của Thiện, Mỹ. Vì vậy chúng ta cũng phải đấu tranh chống lại sự dối trá, giả đạo đức hiện đang trở thành một hội chứng phổ biến của xã hội. Hơn nữa, việc trau dồi một đời sống tén nhường tâm linh, trong đó có tinh thần từ bi bác ái và niềm tin vào luật nhân quả, nghiệp báo về thiện-ác của nhà Phật là cần thiết. Nó chính là một lời kêu gọi, một sự phán xét răn đe nhưng là lời kêu gọi và phán xét răn đe trực tiếp xuất phát từ trong tâm hồn, khi mình tự đối diện với chính mình, có tác động hiệu quả, sâu sắc hơn nhiều những tác động đến từ bên ngoài.

Chúng ta đã nói đến nhiều cuộc cách mạng và đổi mới. Nhưng cuộc cách mạng, đổi mới cần thiết nhất, cấp bách nhất cho toàn thể mọi người, cho từng mỗi con người, có lẽ chính là cuộc cách mạng, đổi mới tâm hồn. Không có nó, mọi ngôn từ đẹp đẽ, khoa trương đều sẽ trở thành vô nghĩa. Và không xa lạ, nó chính là động lực ẩn giấu nhưng có hiệu lực nhất cho mọi tiến bộ xã hội, cũng như cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội Thủ đô trong hiện tại cũng như trong viễn cảnh tương lai.

(Xem tiếp trang 43)

(10). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, phòng: Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương, hs: 330.

(11). Năm kho lưu trữ ở Đông Dương gồm: Kho Lưu trữ Trung ương tại Hà Nội, Kho Lưu trữ của Phủ Thống đốc Nam Kỳ tại Sài Gòn, Kho Lưu trữ của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế, Kho Lưu trữ của Phủ Thống sứ Cambodge ở Phnom-penh và Kho Lưu trữ của Phủ Thống sứ Laos ở Vientiane.

Vì nhiều lý do, mãi đến 1945, Kho Lưu trữ của Phủ Thống sứ Laos ở Vientiane vẫn chưa được tổ chức.

(12). Direction de l'Instruction Publique - C. Mus, Directeur de l'École supérieure de Pédagogie de l'Université Indochinoise: *La Première Université Indochinoise*, Hanoi, Imprimerie G. Taupin & Cie, 1927, p. 2.

SUY NGHĨ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THĂNG LONG - HÀ NỘI...

(Tiếp theo trang 16)

CHÚ THÍCH

(1). *Meme* là dạng viết tắt của *mimeme*, có ngữ căn Hy Lạp *mimema*, có nghĩa là điều được bắt chước, mô phỏng. *Meme* là "một ý tưởng, hành xử hay phong cách được phổ biến từ người này đến người khác trong một nền văn hóa qua tiến hóa văn hóa". Richard Dawkins đã đưa ra khái niệm *meme*, đối ứng với *gene*, trong cuốn sách: *The Selfish Gene* (Oxford University Press, 1989, tr. 192).

(2). Trương Quang Hải (Chủ biên), *Atlas Thăng Long-Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, 2010, tr. 87.

(3). Toàn quyền Paul Doumer từng tuyên bố rằng ông ta sẽ làm cho Hà Nội trở thành một "Paris thu nhỏ" (Xem: Chr. Pedelahore, *Hanoi, miroir de l'architecture coloniale*, trong: *L'architecture outre-mer*, Paris, Mardage, 1992, tr. 296).

(4). Nguyễn Hiến Lê, *Lão Tử - Đạo Đức Kinh*, Nxb. Văn Hóa, Hà Nội, 1994, tr. 174, 196.

(5). Blaise Pascal, *Pensées*, Paris, Guillaume Deafritz, 1670, tr. 358.

(6). Trương Bá Cán, *Hoạt động ngoại giao của Pháp nhằm củng cố cơ sở tại Nam Kỳ (1862-1874)*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2011, tr. 275.

(7). Vua Lê Thánh Tông ban hành "24 điều giáo huấn". Chúa Trịnh Tạc ban bố "47 điều giáo huấn". Vua Minh Mạng ban dụ "Thập điều" (10 huấn điều). Nội dung đều nhắc lại các giáo lý, phép tắc

cơ bản của Nho giáo, được đem ra giảng giải trong dân chúng để mọi người noi theo.

(8). Phan Kế Bính, *Việt Nam Phong tục* (1911), Đồng Tháp, 1994, tr. 132.

(9). Thay vào luận điểm "Khoảng cách sở hữu" (Property distance) của Karl Marx, Ralph Darendorf (1929 - 2009) đã phát triển một khái niệm với nội hàm được mở rộng hơn là "Sự khác biệt xã hội" (Social difference) trong cuốn *Class and class conflict in industrial society*, Stanford University Press, 1959. Còn Geerts Hofstede (sinh 1928) thì đưa ra khái niệm "Khoảng cách quyền lực" (Power distance) trong cuốn *Cultures Consequences* (1980).

(10). Phong trào quần chúng phản đối sự bất bình đẳng kinh tế - xã hội "Occupy Wall Streets" (Chiếm cứ phố Wall) nổ ra ngày 17 - 9 - 2011 tại New York (Mỹ). Phát triển thành phong trào "99% chống lại 1%", với bản "Tuyên ngôn 99%", lan rộng ra nhiều nơi trên thế giới và hiện vẫn còn tiếp tục. Đó là một hình thức đấu tranh bất bạo động tự phát mang tính nhân văn, được dư luận nhiều giới ủng hộ.

(11). *The selfish gene*, thuật ngữ được Richard Dawkins dùng trong cuốn sách mang cùng tên. Nó có nghĩa là chất lượng được sao chép mang tính cá thể trong quá trình chọn lọc tự nhiên theo học thuyết tiến hóa của Darwin.